

配置选项

14	SHI 控制装置				
	液压控制复位弹簧		伺服控制接口		节流器
标准	R		G		-
选项	R	缸 (标准) (重载)	G	1/4" BSP	-
	B	缸 (轻载)	J	9/16 JIC	5+X
			M	M12x1.5	无节流器 0.5+X 节流器直径

TPV 1000: 泵的配流盘配置	1 - 泵系列: TPVT - TPVT3		1 - 泵系列: TPV							
			6 - 安装法兰: F1							
			7 - 控制: DM - BC - LC - LCS1 - LCS2 - DMS							
12 - 泵的后连接		TPVT TPVT3	C	B1	B2	B1-Z9	B2-Z9	SA-R	B1	B2
第 5 组	SS2	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	PS1		X	X	X					
	PS3	X	X	X	X			X	X	X
			6 - 安装法兰: F2							
			7 - 控制: DM - BC - LC - LCS1 - LCS2 - DMS							
		TPVT TPVT3	C	B1	B2	B1-Z9	B2-Z9	SA-R	B1	B2
		SS3	X	X	X	X		X		
		6 - 安装法兰: F1								
		7 - 控制: SHI - SE11 - SE12 - SEIP								
		11 - 充油泵: 00 - 06 - 06(xx)								
		11 - 充油泵: 00/1								
12 - 泵的后连接		TPVT TPVT3	C	B1	B2	B1-Z9	B2-Z9	SA-R	B1	B2
第 5 组	SS2	X	X	X	X	X	X	X	X	X
	PS1		X	X	X					
	PS3	X	X	X	X			X	X	X
			6 - 安装法兰: F2							
			7 - 控制: SHI - SE11 - SE12 - SEIP							
		TPVT TPVT3	C	B1	B2	B1-Z9	B2-Z9	SA-R	B1	B2
		SS3	X	X	X	X		X		
		6 - 安装法兰: F1								
		7 - 控制: SHI - SE11 - SE12 - SEIP								
		11 - 充油泵: 00 - 06 - 06(xx)								
		11 - 充油泵: 00/1								

TPV 1000: 壳体和轴配置	1 - 泵系列: TPV - TPVT - TPVT3				
	6 - 安装法兰: F1				
	7 - 控制: DM - BC - LC - LCS1 - LCS2 - DMS - DMS(XX)		7 - 控制: SHI - SE11 - SE12 - SEIP		
14 - 选项	"PR" 除外	PR	SHI	SE11 - SE12 - SEIP	
第 5 组	SS2	X	X	X	X
	PS1	X	X	X	X
	PS3	X			
			6 - 安装: F2		
		SS3		X	X

TPV 1000: 泵的配流盘配置	1 - 泵系列: TPVT - TPVT3		1 - 泵系列: TPV				
			"SA" 除外		11-泵的后连接: SA		
	14 - 选项	2 - 排量	TPVT TPVT3	11 - 充油泵: 00 - 06 - 06(xx)	11 - 充油泵: 00/1	11 - 充油泵: 06 - 06(xx)	11 - 充油泵: 00
第 5 组	00, SP, FB, ST, PR, VTS, RG-	06-08-09-11-12-13/7	X	X	X	X	
		15-17-18/9	X	X	X	X	
	VS	06-08-09-11-12-13/7	X	X	X		
		15-17-18/9	X	X			
	LB	06-08-09-11-12-13/7	X	X	X		
		15-17-18/9	X	X			
	SB	06-08-09-11-12-13/7		X	X		
		15-17-18/9			X		
	BEO	06-08-09-11-12-13/7	X	X	X		
		15-17-18/9	X	X			
	BEC	06-08-09-11-12-13/7	X	X	X		
		15-17-18/9	X	X			